

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 01/2018/HS-PT
Ngày 08-01-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Khôi

Ông Trịnh Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 53/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Vũ Phan Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Ninh Bình và do bản án hình sự phúc thẩm số 12/2015/HSPT ngày 17/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình bị Quyết định giám đốc thẩm số 09/2016/HS-GĐT ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội tuyên hủy bản án yêu cầu xét xử phúc thẩm lại.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Phan Đ, sinh năm 1986 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn 83, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: nhân viên sân Golf Hoàng Gia - Công ty cổ phần đầu tư PV-INCONESS; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 45-QĐ/UBKTTU ngày 27/12/2017 của Ủy ban kiểm tra thành ủy T, tỉnh Ninh Bình), con ông Vũ Văn B và bà Bùi Thị C (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 06/11/2012 đến ngày 07/11/2012 chuyển tạm giam, đến ngày

24/01/2014 được trả tự do, sau đó lại bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2014 đến ngày 17/4/2015 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông **Hoàng Văn Dũng** (vắng mặt),
2. Ông **Nguyễn Văn Thái** (vắng mặt),
3. Ông **Nguyễn Hồng Bách** (có mặt tại phiên tòa nhưng xin vắng mặt khi tuyên án),
4. Ông **Nguyễn Văn Phương** (vắng mặt),
5. Ông **Đỗ Mạnh Linh** (vắng mặt),

Đều là Luật sư của Công ty Luật TNHH Bross và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 1602A, tầng 16, Tòa nhà Charm Vit, số 117 đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

6. Ông **Nguyễn Đức Hùng** là Luật sư của Công ty Luật TNHH NHB, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 7, số 52 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Ông **Vũ Đức L**, sinh năm 1947. Trú tại: tổ 15, phường S, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do già yếu, bệnh hiểm nghèo).

2. Ông **Trần Đức N**, sinh năm 1966. Trú tại: tổ 15, phường S, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (có mặt tại phiên tòa nhưng xin vắng mặt khi tuyên án),

3. Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1981. Trú tại: thôn Tràng Yên, xã Yên Đồng, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt tại phiên tòa nhưng xin vắng mặt khi tuyên án),

4. Ông **Phan Thế M**, sinh năm 1959. Trú tại: tổ 10B, phường Bắc Sơn, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/11/2012 Vũ Phan Đ từ nhà đi xe mô tô biển kiểm soát 35H7-... đến nhà anh Phạm Văn Đ ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau đó Vũ Phan Đ và anh Phạm Văn Đ mỗi người đi một xe mô tô đến Đền Nước để xin lộc. Khi hai người đi đến đường Núi Vàng thì dừng xe đợi tàu đi qua. Cùng lúc đó, tổ công tác Công an thị xã T đi tuần tra thấy nghi vấn Vũ Phan Đ có liên

quan đến ma túy đã đưa Vũ Phan Đ và chiếc xe mô tô về Công an phường S để làm việc. Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 06/11/2012, tại tổ 15, phường S, thị xã T, Công an thị xã T kiểm tra thu giữ ở dưới mặt nạ đầu xe mô tô biển kiểm soát 35H7 -... của Vũ Phan Đ một túi ni-lông bên trong có 08 gói giấy bạc nhỏ màu vàng, bên trong mỗi gói có chứa chất bột dạng cục màu trắng (tại chỗ Vũ Phan Đ khai là Hêrôin mua của một người đàn ông không quen biết ở chợ Sáng thị xã T về sử dụng). Công an thị xã T đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 xe mô tô BKS 35H7 -..., 01 đăng ký xe mô tô BKS 35H7 -... mang tên Vũ Phan Đ, 01 kim băng, 01 túi ni-lông bên trong có 08 gói giấy bạc nhỏ màu vàng bên trong mỗi gói có chất bột màu trắng dạng cục. Kết quả cân trọng lượng chất bột kết tinh màu trắng trong gói 01 được 0,03 gam, gói 2 được 0,03 gam, gói 3 được 0,04 gam, gói 4 được 0,02 gam, gói 5 được 0,03 gam, gói 6 được 0,04 gam, gói 7 được 0,02 gam, gói 8 được 0,03 gam. Tổng trọng lượng của 8 gói là 0,24 gam. Trích mỗi gói 0,02 gam, ký hiệu từ M1 đến M8 gửi đi giám định. Số còn lại 0,08 gam chất bột màu trắng dạng cục được niêm phong chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 260 ngày 07/11/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột màu trắng dạng cục ký hiệu M1 đến M8 có trọng lượng mỗi gói là 0,02 gửi tới giám định đều là chế phẩm Heroin.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T còn tạm giữ của bị cáo: 01 điện thoại Iphone, 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm xe mô tô đều mang tên Vũ Phan Đ, 01 ví da màu nâu đen bên trong có 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam (loại tiền không còn giá trị lưu hành); 25.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 03 tờ tiền mệnh giá 1 USD.

1. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2013/HSST ngày 07/3/2013, Tòa án nhân dân thị xã T áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Phan Đ 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Ngày 11/3/2013, Vũ Phan Đ có đơn kháng cáo kêu oan.

2. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 21/2013/HSST ngày 21/6/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248, khoản 3, khoản 5 Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2013/HSST ngày 07/3/2013 của Tòa án nhân dân thị xã T để điều tra lại.

3. Tại bản cáo trạng số 46/KSĐT-MT ngày 14/10/2013, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị can Vũ Phan Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

4. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 08/11/2013, Tòa án nhân dân thị xã T áp dụng khoản 1 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Vũ Phan Đ 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Ngày 11/11/2013, Vũ Phan Đ có đơn kháng cáo kêu oan.

5. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 12/2014/HSPT ngày 24/01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình áp dụng khoản 2 Điều 107; khoản 1 Điều 227; điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 08/11/2013 của Tòa án nhân dân thị xã T, tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đình chỉ vụ án và trả tự do cho Vũ Phan Đ ngay tại phiên tòa.

6. Tại kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2014/HS-TK ngày 09/5/2014, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2014/HSPT ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và đề nghị tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao (cũ) xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2014/HSPT ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 08/11/2013 của Tòa án nhân dân thị xã T để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2014/HS-GĐT ngày 19/6/2014, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao (cũ) đã quyết định: Hủy bản án hình sự phúc thẩm số 12/2014/HSPT ngày của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 08/11/2013 của Tòa án nhân dân thị xã T về phần trách nhiệm hình sự đối với Vũ Phan Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại làm rõ vấn đề sau: xác định chất bột dạng cục màu trắng có trọng lượng 0,24 gam thu giữ được là Heroin hay tạp chất. Nếu là tạp chất thì Heroin có trọng lượng là bao nhiêu, nếu giám định đủ trọng lượng Heroin theo đúng quy định của pháp luật thì có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Phan Đ.

8. Tại bản kết luận điều tra số 37/KLĐT-CQĐT ngày 29/8/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đề nghị truy tố Vũ Phan Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận giám định số 2418/C54(P7) ngày 28/7/2014 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đã kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong các mẫu kí

hiệu A1, A2, A3, A5, A6 và A8 đều có thành phần Heroin và Caffeine. Tổng trọng lượng Heroin quy đổi là 0,141 gam. Chất bột bám dính trên các mảnh giấy bạc màu vàng trong mẫu kí hiệu A4 và A7 đều có thành phần Heroin. Do lượng mẫu bám dính trên các mảnh giấy bạc quá nhỏ, không đủ cơ sở tiến hành định lượng. Heroin nằm trong danh mục I, STT: 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

9. Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 08/9/2014, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố Vũ Phan Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

10. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015, Tòa án nhân dân thị xã T áp dụng khoản 1 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Vũ Phan Đ 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2012 đến ngày 24/01/2014 là 14 tháng 18 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 09 tháng 12 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 30/7/2014. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho bị cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 14/01/2015 Vũ Phan Đ có đơn kháng cáo kêu oan.

11. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2015/HSPT ngày 17/4/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình căn cứ Điều 251, khoản 2 Điều 248, khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Phan Đ, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T; tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đình chỉ vụ án và trả tự do cho bị cáo Vũ Phan Đ ngay tại phiên tòa.

12. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/QĐ-VC1-V1 ngày 22/10/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm số 12/2015/HSPT ngày 17/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử phúc thẩm lại theo hướng kết án Vũ Phan Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

13. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2016/HS-GĐT ngày 20/9/2016, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội nhận định Bản án hình sự sơ thẩm số

02/2015/HSST ngày 12/01/2015, Tòa án nhân dân thị xã T kết án Vũ Phan Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ. Bản án phúc thẩm đã tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đình chỉ vụ án là không đủ cơ sở. Đồng thời quyết định hủy bản án hình sự phúc thẩm số 12/2015/HSPT ngày 17/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Phan Đ có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2016/HS-GĐT ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội vì cho rằng quyết định giám đốc thẩm trên là không có căn cứ và trái pháp luật.

Tại Văn bản số 462/TANDTC-V1 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao ngày 12/9/2017 về việc trả lời đơn của Vũ Phan Đ đã khẳng định “Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015, Tòa án nhân dân thị xã T đã kết án anh về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã không xem xét, đánh giá tổng thể các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và các tình tiết khách quan của vụ án, đã tuyên anh không phạm tội là không có căn cứ. Do đó, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy bản án hình sự phúc thẩm số 12/2015/HSPT ngày 17/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để xét xử phúc thẩm lại là đúng quy định pháp luật”.

Tại phiên toà bị cáo Vũ Phan Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan và trình bày: Từ trước tới nay bản thân bị cáo chưa từng biết ma túy, bị cáo không sử dụng, không buôn bán, không tàng trữ ma túy. Bị cáo phủ nhận mọi lời khai nhận tội khi bị bắt cũng như trong quá trình điều tra và cho rằng việc bị cáo khai nhận tội với Cơ quan điều tra là do bị cáo bị Công an thị xã T (anh H và anh L) đánh, bị ép buộc phải khai báo không đúng sự thật, thực tế bị cáo không biết gì về số Heroin mà cáo trạng đã truy tố bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ khi vào Trại tạm giam bị cáo không bị đánh, không bị ép cung và việc khai báo của bị cáo hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, có bản kiểm điểm và bản cung tại Trại tạm giam bị cáo vẫn khai nhận Heroin thu giữ trong xe của mình là do bị cáo mới vào Trại còn hoang mang nên mới khai nhận tội. Bị cáo đề nghị cho giám định dấu vân tay trên túi nilong đựng 08 gói Heroin và kim băng để chứng minh bị cáo là người treo ma túy vào xe máy của mình, đồng thời đề nghị điều tra xác minh xem

ai là người đã báo tin cho Công an thị xã T về việc bị cáo có tàng trữ ma túy. Bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Những người bào chữa cho bị cáo Vũ Phan Đ cho rằng hồ sơ vụ án không có đủ các tài liệu và chứng cứ để buộc tội đối với Vũ Phan Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vì các lý do: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 06/11/2012 không hợp pháp, thiếu tính khách quan từ hình thức đến nội dung, thủ tục và cách thức lập biên bản không thỏa mãn các thuộc tính cơ bản của chứng cứ về tính hợp pháp và tính khách quan; quá trình thu giữ, bảo quản và xử lý đối với các vật chứng không đúng quy định của pháp luật; các kết luận giám định số 260, 2148 đều trái pháp luật, không khách quan; Biên bản kiểm tra sức khỏe và biên bản bàn giao người bị tạm giữ trùng với thời gian Công an thị xã T lấy lời khai của Vũ Phan Đ ngày 06/11/2012 nên hai biên bản này vi phạm quy định về thời gian, không đảm bảo được các thuộc tính của chứng cứ; có nhiều sự mâu thuẫn, không xác thực trong lời khai của những người làm chứng; điều tra viên không lập biên bản đối chất khi có sự mâu thuẫn trong lời khai của những người làm chứng và bị cáo; có nhiều lời khai của bị cáo và các nhân chứng đã bị sửa chữa (chữ "vừa" thành chữ "đã"), bổ sung thêm nhưng không có chữ ký xác nhận của người khai. Chiều ngày 05/11/2012 Vũ Phan Đ đi làm giúp cho người nhà nên không thể đi mua ma túy để sáng ngày 06/11/2012 bị thu giữ. Mặt khác anh Vũ Phan Đ là người thật thà nên khi Công an lấy túi đựng 08 gói nhỏ trong mặt nạ xe ra và hỏi "cái gì đây" thì Vũ Phan Đ đã nhận ngay đó là ma túy của mình. Luật sư cho rằng điều này trái với tâm lý tội phạm, bởi tội phạm thường hay gian dối và chối tội. Vì thế Luật sư phủ nhận các lời khai nhận tội của Vũ Phan Đ ở giai đoạn điều tra ban đầu. Các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Ninh Bình, đình chỉ vụ án, tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình sau khi phân tích vụ án, đánh giá tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Phan

Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Vũ Phan Đ 23 (Hai mươi ba) tháng 17 (Mười bảy) ngày tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2012 đến ngày 24/01/2014 và từ ngày 30/7/2014 đến ngày 17/4/2015. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Quá trình tranh luận: Hai luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Phan Đ đưa ra rất nhiều luận cứ và lập luận trình bày trong thời gian rất dài để cho rằng không có căn cứ kết tội Vũ Phan Đ, đề nghị Viện kiểm sát đối đáp về từng vấn đề luật sư đã nêu ra, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã trả lời đối đáp lại những luận cứ mà Luật sư đã nêu theo ba nhóm vấn đề:

- Về tố tụng: đại diện Viện kiểm sát khẳng định một số văn bản như Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập không đúng mẫu, có vi phạm về hình thức của văn bản, có sửa chữa từ "vừa" thành từ "đã" không đúng quy định. Thời gian bắt đầu và kết thúc của một số biên bản ghi lời khai và biên bản cân xác định trọng lượng vật chứng không ghi chính xác nhưng các cán bộ điều tra đã có giải trình. Khi thu giữ vật chứng cơ quan điều tra đã không làm đúng trình tự, không mô tả, chụp ảnh... nhưng quá trình điều tra lại đã được khắc phục, giải trình về thời gian ghi biên bản, đã thực nghiệm hiện trường thể hiện việc có thể thò tay vào mặt nạ xe wave S Biển kiểm soát 35H7-... của bị cáo để lấy túi ma túy ra mà không cần phải công cụ hỗ trợ. Vấn đề cơ bản được khẳng định là trong nội dung của các biên bản này đã ghi và thể hiện đúng sự thật khách quan về diễn biến của việc thu giữ 08 gói ma túy trong mặt nạ xe máy mà bị cáo khai nhận là Heroin do bị cáo mua và cất giữ trong mặt nạ xe của mình. Các biên bản này đều có chữ ký của cán bộ điều tra, những người làm chứng ông L, ông N và bị cáo Vũ Phan Đ nên những vi phạm về hình thức của các văn bản này không làm thay đổi bản chất của vụ án.

- Về mâu thuẫn trong lời khai những người làm chứng ông L và anh Phạm Văn Đ: những mâu thuẫn này đã được họ lý giải ở các phiên tòa trước và tại phiên tòa hôm nay. Còn từ ngữ mà các người làm chứng dùng như luật sư phân tích từ "trong" hay "dưới" mặt nạ xe không có ý nghĩa quan trọng. Luật sư nêu ông N nhiều lần khai giấy bạc màu trắng nhưng tại phiên tòa khai màu vàng là không chính xác, ông N chỉ có 01 lời khai "giấy bạc màu trắng" còn lại ông đều khẳng

định "giấy bạc màu vàng". Còn nội dung chính ông N, ông L và anh Phạm Văn Đ đều khẳng định có chứng kiến việc Công an thu giữ 08 gói nhỏ đựng chất bột màu trắng được lấy ra từ mặt nạ xe máy của Vũ Phan Đ nên Viện kiểm sát xác định không có mâu thuẫn gì với các bản kiểm điểm và các lời khai nhận tội của bị cáo nên không cần phải lập biên bản đối chất.

- Việc luật sư cho rằng Vũ Phan Đ bị đánh và ép cung nên mới nhận tội ở giai đoạn đầu là không có căn cứ vì Biên bản kiểm tra sức khỏe Vũ Phan Đ không có dấu vết thương tích gì. Vũ Phan Đ khai có anh Bùi Sỹ L là người cùng bị tạm giữ chứng kiến nhưng anh Lục xác định không thấy ai đánh Vũ Phan Đ. Những người làm chứng như ông L, ông N, anh Phạm Văn Đ đều khai không thấy ai đánh và ép cung đối với bị cáo Vũ Phan Đ.

Từ những quan điểm trên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình bác bỏ quan điểm của các Luật sư đồng thời giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa tuyên bị cáo Vũ Phan Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo Vũ Phan Đ và các luật sư bào chữa cho bị cáo không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo và các quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù tại phiên tòa bị cáo vẫn cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, quá trình điều tra bị cáo bị ép cung, đánh đập nên phải khai nhận số ma túy công an thu giữ được là của bị cáo và việc bị cáo bị đánh đập có anh Phạm Sỹ L, trú tại xóm 6, S, Thị xã T, tỉnh Ninh Bình là người cũng bị tạm giữ tại Công an thị xã T lúc đó chứng kiến. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người làm chứng là anh Phạm Sỹ L là người bị giữ cùng phòng với bị cáo Vũ Phan Đ (Bút lục 358), lời khai của những người làm chứng ông Vũ Đức L, ông Trần Đức N, anh Phạm Văn Đ đều không nhìn thấy việc bị cáo Vũ Phan Đ bị đánh đập buộc phải khai hay bị ép buộc phải ký vào các biên bản. Các người làm chứng đều khẳng định việc bị cáo Vũ Phan Đ khai và ký vào các biên bản là hoàn toàn tự nguyện, đúng với diễn biến khách quan của sự việc. Mặt khác, trong các biên bản xác định tình trạng sức khỏe người bị tạm giữ và Biên bản giao nhận người bị tạm giữ do Công an thị xã T lập hồi 11 giờ ngày

06/11/2012 (Bút lục 72, 73), Biên bản giao nhận người bị tạm giữ, tạm giam giữa Công an T và Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình vào hồi 16 giờ ngày 07/11/2012 (Bút lục 70) đều xác định tình trạng sức khỏe của bị cáo Vũ Phan Đ tại thời điểm đó là bình thường, không có thương tích, dấu vết gì đặc biệt. Lời khai của bị cáo Vũ Phan Đ tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và tại các phiên tòa trước đây bị cáo đều khẳng định “Khi Công an bàn giao bị cáo vào nhà tạm giữ có lập Biên bản kiểm tra sức khỏe nhưng không có dấu vết, thương tích gì”. Mặc dù việc ghi thời gian lập Biên bản kiểm tra sức khỏe và bàn giao người bị tạm giữ trùng với thời gian lập Biên bản ghi lời khai hồi 11 giờ ngày 06/11/2012 là có mâu thuẫn và vi phạm quy định về thời gian nhưng nội dung của hai biên bản này đều ghi đúng sự thật như lời khai nhận của Vũ Phan Đ là có việc kiểm tra sức khỏe và không có dấu vết thương tích gì. Do đó không có căn cứ xác định việc bị cáo bị đánh đập, ép cung tại Công an thị xã T.

[2] Bị cáo còn khai chỉ bị đánh và ép cung trong thời gian bị cáo bị tạm giữ tại Công an thị xã T còn từ khi vào Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ chiều ngày 07/11/2012 thì không bị ai ép buộc hay đánh đập gì nên khai báo ở Trại tạm giam là chính xác (Bút lục 122). Tuy nhiên trong biên bản hỏi cung bị can lúc 13 giờ ngày 07/11/2012 Vũ Phan Đ khẳng định bị cáo bị khởi tố về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là hoàn toàn đúng. Vũ Phan Đ còn khai rõ số ma túy đó Vũ Phan Đ mua từ chiều 05/11/2012 cho vào túi bóng, cất giấu trong mặt nạ xe máy, trong biên bản còn khẳng định khai báo tự nguyện, đúng sự thật, không bị đánh, ép cung. Tại bản kiểm điểm ngày 09/12/2012 (Bút lục 32) viết tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, Vũ Phan Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như lời khai của những người làm chứng và nội dung ghi trong các bản kiểm điểm và lời khai ngày 06/11/2012 tại Công an thị xã T. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/12/2012 (Bút lục 50) và lời khai ngày 29/01/2013 (Bút lục 53) Vũ Phan Đ khai nhận "Tôi có bị các anh Công an yêu cầu kiểm tra xe và có phát hiện thu giữ 08 gói ma túy giấu ở dưới mặt nạ xe máy của tôi" nhưng lại nại ra là số ma túy đó không biết là của ai. Về vấn đề khai nại này thấy rằng trong suốt quá trình điều tra, xét xử cho đến nay Vũ Phan Đ đều khẳng định xe máy biển kiểm soát 35H7-... là của Vũ Phan Đ do bố mẹ cho tiền mua, quá trình sử dụng xe và sáng ngày 06/11/2012 chỉ có một mình Vũ Phan Đ sử dụng. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy mà công an đã thu giữ trong mặt nạ xe máy của Vũ Phan Đ đang sử dụng ngày 06/11/2012. Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên vấn đề mấu chốt là thu giữ được ma túy trong xe máy của bị cáo kết quả giám định là 0,141 gam Heroin và chiếc xe máy chỉ do mình bị cáo sử dụng. Để chối tội và phủ nhận mọi lời khai nhận tội trong thời gian ở Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng như tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 ngày 21/6/2013 bị cáo nại ra lý do nhận tội khi đã xác định không bị đánh, ép cung là "mới vào trại còn hoang mang nên bị cáo mới nhận tội" và "các anh công an đọc gì thì bị cáo viết thế". Việc nại ra lý do này là vô lý và mâu thuẫn với chính lời khẳng định của bị cáo là "từ khi vào trại Tạm giam bị cáo không bị đánh đập, ép cung nên khai báo hoàn toàn tự nguyện và đúng sự thật". Do đó có căn cứ vững chắc khẳng định lời nhận tội của bị cáo nêu trong các bản kiểm điểm và các biên bản ghi lời khai nói trên là sự thực và là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét việc lập mẫu biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập tại Công an phường S, thị xã T tuy có một số sai sót nhất định: lập không đúng mẫu văn bản về hình thức, văn bản này có sự sửa chữa bằng bút xóa từ "vừa" thành từ "đã" nhưng nội dung của biên bản thì đều thể hiện đầy đủ diễn biến của sự việc; tại biên bản đều có các chữ ký của Cán bộ lập biên bản, của bị cáo Vũ Phan Đ và những người làm chứng là ông Trần Đức N và ông Vũ Đức L; lời trình bày của bị cáo và những người làm chứng ghi trong biên bản này đều phù hợp với nhau, đều thể hiện việc Công an thị xã T khám xét xe máy của Vũ Phan Đ thu giữ trong mặt nạ xe 01 túi nilong màu trắng bên trong có 08 gói chất bột dạng cục màu trắng. Tại chỗ Vũ Phan Đ khai là Heroin Vũ Phan Đ mua về để sử dụng. Những người chứng kiến việc bắt giữ bị cáo Vũ Phan Đ như ông L, ông N và anh Phạm Văn Đ cũng xác nhận biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập tại Công an phường S, thị xã T đã ghi lại diễn biến sự việc hoàn toàn khách quan, đúng sự thật, không có ai bị ép buộc phải khai báo và ký vào biên bản. Tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa ông N và anh Phạm Văn Đ khẳng định có chứng kiến việc Công an thị xã T cụ thể là anh Hùng khám xe máy của Vũ Phan Đ và thu giữ vật chứng như đã ghi trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang và ông N, ông L đã ký vào biên bản này. Lời khai của anh Phạm Văn Đ về việc anh H khám xe máy của Vũ Phan Đ phù hợp với lời khai của chính bị cáo Vũ Phan Đ về trật tự khám xe Vũ Phan Đ khai tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất. Do đó, có đủ căn cứ xác định nội dung ghi trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang là đúng sự thật.

[4] Về trình tự, thủ tục thu giữ vật chứng

Biên bản niêm phong vật chứng có chữ ký của đối tượng Vũ Phan Đ, những người chứng kiến ông Vũ Đức L, ông Trần Đức N - người lập biên bản là ông Đinh Đức Thắng và Điều tra viên Đỗ Hải Lương. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Điều tra viên Đinh Lệnh Hùng là người trực tiếp khám xét xe mô tô của Vũ Phan Đ nhưng Biên bản niêm phong vật chứng không có chữ ký của ông Hùng là thiếu sót; tuy nhiên trên biên bản có đầy đủ chữ ký của Vũ Phan Đ; 02 người làm chứng (ông L, ông N) và của ông Thắng, ông Lương (là 02 trong số 06 cán bộ công an thuộc Tổ công tác tham gia ngay từ đầu).

Mặt khác, khi Cơ quan điều tra thực hiện việc khám xét thì có nhiều người chứng kiến, trong đó có anh Phạm Văn Đ, ông L, ông N và những người này đều khai thống nhất về việc họ cùng Vũ Phan Đ đứng cách xe mô tô của Vũ Phan Đ khoảng từ 01 đến 02 mét để quan sát việc khám xét xe mô tô, không bị vật nào che khuất tầm nhìn. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2013 bị cáo hai lần khẳng định "khi về tới công an phường S các anh ấy bắt bị cáo cởi giày tất để kiểm tra, một người kiểm tra xe máy của bị cáo, anh ấy mở cốp xe kiểm tra, sau đó là gầm xe, cuối cùng là mặt nạ xe". Điều đó chứng tỏ việc kiểm tra xe được diễn ra dưới sự chứng kiến của bị cáo và những người làm chứng là sự thật chứ không phải là bị cáo không được chứng kiến việc khám xe như lời khai nại của bị cáo.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã bổ sung lập biên bản thực nghiệm điều tra, chụp bản ảnh thực nghiệm điều tra để đưa vào hồ sơ và cho thấy: với cấu tạo xe WaveS của Vũ Phan Đ thì có thể luôn tay vào dưới mặt nạ xe để lấy túi ni lông có chứa hêrôin mà không cần thiết phải sử dụng công cụ hỗ trợ để mở mặt nạ xe.

Mặc dù hồ sơ vụ án không có các tài liệu mô tả đặc điểm, chủng loại, tình trạng, màu sắc, kích thước của các vật chứng thu giữ được và không niêm phong các vật chứng là túi ni lông và chiếc kim băng nhưng xét thấy việc mô tả có thể có hoặc không vì các vật chứng này đều có thể phân biệt được bằng mắt thường và những người chứng kiến đều đã khai thống nhất về những vật chứng này. Việc Cơ quan điều tra không đưa các vật chứng là túi ni lông và chiếc kim băng để niêm phong là thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

[5] **Về vật chứng của vụ án:** căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quá tang (Bút lục từ 18 đến 21), Biên bản niêm phong vật chứng (Bút lục 22), Biên bản mở niêm phong cân trọng lượng lấy mẫu gửi đi giám định và niêm phong lại (Bút lục 24) các biên bản này đều có chữ ký của Vũ Phan Đ và những người làm chứng đã xác định được tổng trọng lượng thu giữ ban đầu là 0,24 gam chất bột

màu trắng dạng cục: cụ thể chất bột kết tinh màu trắng trong gói 01 được 0,03 gam, gói 2 được 0,03 gam, gói 3 được 0,04 gam, gói 4 được 0,02 gam, gói 5 được 0,03 gam, gói 6 được 0,04 gam, gói 7 được 0,02 gam, gói 8 được 0,03 gam. Trích mỗi gói 0,02 gam, ký hiệu từ M1 đến M8 gửi đi giám định (lần đầu) tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình. Số còn lại 0,08 gam chất bột màu trắng dạng cục được gửi đi giám định (bổ sung) tại Viện khoa học hình sự Bộ công an. Tại bản kết luận giám định số 2418/C54(P7) ngày 28/7/2014 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đã kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong các mẫu ký hiệu A1, A2, A3, A5, A6 và A8 đều có thành phần Heroin và Caffeine. Tổng trọng lượng Heroin quy đổi là 0,141 gam. Chất bột bám dính trên các mảnh giấy bạc màu vàng trong mẫu ký hiệu A4 và A7 đều có thành phần Heroin. Do lượng mẫu bám dính trên các mảnh giấy bạc quá nhỏ, không đủ cơ sở tiến hành định lượng. Heroin nằm trong danh mục I, STT: 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Cơ sở khoa học của việc quy đổi trọng lượng Heroin Căn cứ vào tổng trọng lượng thu giữ ban đầu là 0,24 gam chất bột màu trắng dạng cục tính theo hàm lượng % tương ứng với mẫu vật thu giữ ở từng gói đã chứng minh được tổng trọng lượng Heroin quy đổi là 0,141 gam. Quá trình thu giữ, bảo quản vật chứng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định rằng vật chứng gửi đi giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an là vật chứng thu giữ của bị cáo Vũ Phan Đ ngày 06/11/2012. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về vật chứng của vụ án cho rằng ma túy gửi đi trưng cầu giám định tại Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an không phải là tang vật của vụ án là sự suy diễn, không có cơ sở khoa học để chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của các luật sư cho rằng lời khai của những người làm chứng không thống nhất và mâu thuẫn với lời khai của bị cáo. Nhận thấy:

- Lời khai của ông Trần Đức N

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2013 (Bút lục 326), tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/11/2013 (Bút lục 424), phiên tòa phúc thẩm ngày 24/01/2014 (Bút lục 499) ông N khai thống nhất là ông ký biên bản bắt người phạm tội quả tang vào buổi sáng (khoảng lúc 10 giờ). Như vậy, không có sự mâu thuẫn trong lời khai của ông N về thời điểm ký biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Về việc chứng kiến điều tra viên lấy túi ni lông ra khỏi mặt nạ xe máy: Ông N (cũng như những người làm chứng khác) chỉ chứng kiến quá trình đưa vật chứng từ mặt nạ xe mô tô ra ngoài, không được chứng kiến vật chứng khi còn nằm yên trong mặt nạ xe mô tô. Do đó, ông có lời khai: “lúc đầu tôi không nhìn thấy túi

ni lông cài vào dây điện mà chỉ nghe anh Hùng nói mới biết” (Bút lục 819) là phù hợp với thực tế. Ông N còn khai làm rõ thêm cho lời khai nêu trên như sau: *“Lúc đầu tôi không nhìn thấy túi ni lông cài vào dây điện nhưng sau đó tôi có nhìn thấy anh Hùng lấy chìa khóa ở đầu xe và bật yên xe ra để kiểm tra cốp xe nhưng không thấy gì. Anh ấy ngó hai bên sườn xe sau, đánh lái đầu xe sang phải tạo ra một khe thò tay vào mặt nạ lấy ra một túi ni lông trắng có cài kim băng của bị cáo Vũ Phan Đ”* (Bút lục 819). Nội dung quan trọng nhất trong lời khai của ông N là việc ông trực tiếp chứng kiến việc công an khám xe máy của Vũ Phan Đ và thu giữ trong mặt nạ chiếc xe đó 01 túi nilong bên trong có chứa 08 gói chất bột dạng cục màu trắng có trọng lượng 0,24 gam, tại chỗ Vũ Phan Đ khai là Heroin. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay một lần nữa ông N lại khẳng định nội dung này đồng thời ông cũng xác định chữ ký của ông trong tất cả các Biên bản do Công an thị xã T lập là đúng.

- Lời khai của ông Vũ Đức L

Về thời điểm ký vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2013, ông Vũ Đức L khai biên bản lập vào buổi sáng đến chiều ông mới được ký (Bút lục 123). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2013 (Bút lục 228, 229), tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2013 (Bút lục 352), tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/01/2015 (Bút lục 751), ông L khai là ông ký biên bản bắt người phạm tội quả tang vào buổi sáng và ông giữ các lời khai có bút tích của ông tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2013; còn lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2013 do chỉ có một mình ông là người làm chứng và bị Hội đồng xét xử cùng luật sư hỏi nhiều nên ông không thể minh mẫn trả lời được. Như vậy, ông L chỉ có 01 lời khai duy nhất (tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2013) cho rằng ký biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc buổi chiều nhưng sau đó ông đã phủ nhận lời khai này. Các lời khai của ông L tại Cơ quan điều tra và lời khai sau phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2013 về thời điểm ký biên bản bắt người phạm tội quả tang là thống nhất và phù hợp với lời khai của ông N. Tại các lời khai này ông L cũng khẳng định ông là người được chứng kiến việc Công an thị xã T khám xe của Vũ Phan Đ và thu giữ trong mặt nạ xe 01 túi nilong bên trong có chứa 08 gói chất bột dạng cục màu trắng có trọng lượng 0,24 gam tại chỗ Vũ Phan Đ khai là Heroin. Tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm trước đây và trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông luôn khẳng định nội dung này và chữ ký của ông trong tất cả các Biên bản do Công an

thị xã T lập là đúng.

- Lời khai của anh Phạm Văn Đ

Mặc dù tại Bản tường trình và Biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2012, anh Phạm Văn Đ khai khi Vũ Phan Đ bị Tổ công tác đưa về trụ sở công an phường S để làm việc, anh có đi theo để xem nhưng khi đến trụ sở do nghĩ không liên quan đến mình nên anh đã đi về (Bút lục 64, 65, 66). Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2013, Vũ Phan Đ khai anh Phạm Văn Đ có mặt tại trụ sở công an phường S nhưng bị đuổi ra ngoài, không cho chứng kiến việc khám xét xe mô tô của Vũ Phan Đ. Tuy nhiên, anh Phạm Văn Đ phủ nhận lời khai nêu trên của Vũ Phan Đ. Tất cả các lời khai sau này của anh Phạm Văn Đ là thống nhất về việc anh có mặt tại trụ sở công an phường S, chứng kiến toàn bộ việc khám xét đối với Vũ Phan Đ; không có ai đuổi anh ra ngoài (Bút lục 340, 422, 496, 667, 819, 821). Ngoài ra, anh Phạm Văn Đ cũng lý giải vào ngày 20/11/2012 anh đã khai báo không đầy đủ là do sợ ảnh hưởng đến công việc làm ăn và các mối quan hệ xã hội của anh (Bút lục 342, BL 479).

Lời khai của anh Phạm Văn Đ tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa trước. Anh khẳng định việc cơ quan điều tra thu giữ 08 gói ma túy bên trong mặt nạ xe máy của Vũ Phan Đ đúng như lời khai của ông N, ông L, lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Phan Đ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời anh cũng khẳng khái cam đoan lời khai của mình là hoàn toàn đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu có phải đi đến Trung ương anh cũng sẵn sàng làm chứng để chứng minh hành vi phạm tội của Vũ Phan Đ.

Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định rằng lời khai của những người làm chứng ông L, ông N, anh Phạm Văn Đ là hoàn toàn thống nhất về nội dung chính có ý nghĩa quan trọng trong vụ án là sáng ngày 06/11/2012 họ được chứng kiến việc Công an thị xã T khám xét và thu giữ trong chiếc xe máy của Vũ Phan Đ 01 túi nilong bên trong có 08 gói nhỏ chứa chất bột dạng cục màu trắng có trọng lượng 0,24 gam và tại chỗ Vũ Phan Đ khai nhận là Heroin.

Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Phan Đ được ghi trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục 18, 19, 20), các bản kiểm điểm của Vũ Phan Đ ngày 06/11/2012 (Bút lục 34, 35, 39, 41), hai bản kiểm điểm ngày 07/11/2012 của Vũ Phan Đ (Bút lục 36, 37), Bản kiểm điểm ngày 09/11/2012 (Bút lục 32), Biên bản lời khai của Vũ Phan Đ ngày 06/11/2012 (Bút

lục 42, 42, 44, 45), Biên bản hỏi cung bị can ngày 07/11/2012 (Bút lục 46, 47), Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/12/2012 (Bút lục 50), Biên bản hỏi cung ngày 22/11/2012 (Bút lục 48, 49), Biên bản hỏi cung ngày 29/01/2013 (Bút lục 53), Biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2013 (Bút lục 51, 52). Do đó, lời khai của những người làm chứng và lời nhận tội của bị cáo không hề có mâu thuẫn, ngược lại đây chính là những chứng cứ quan trọng chứng minh rõ ràng, đầy đủ hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Phan Đ.

Trong bài bào chữa của mình, luật sư bào chữa cho bị cáo còn phân tích việc dùng từ khác nhau trong các lời khai của ông L là "trong mặt nạ xe" và "dưới mặt nạ xe", Lời khai của ông N có 01 lần trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang là "giấy bạc màu trắng" còn những chỗ khác là "giấy bạc màu vàng" để cho rằng có sự mâu thuẫn trong lời khai của các nhân chứng với lời khai của bị cáo Vũ Phan Đ để yêu cầu phải lập Biên bản đối chất, đồng thời phủ nhận giá trị pháp lý của các lời khai này là không có căn cứ. Những từ ngữ trên chỉ là tiểu tiết, không có giá trị quan trọng để làm thay đổi nội dung chính của sự việc nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã đối đáp không chấp nhận quan điểm này của Luật sư là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, các Luật sư đưa ra lập luận để phủ nhận lời khai nhận tội của Vũ Phan Đ, Luật sư cho rằng “do anh Vũ Phan Đ là người thật thà nên khi công an lấy túi nilong đựng 08 gói chất bột dạng cục ra và hỏi cái gì đây thì Vũ Phan Đ đã nhận ngay là ma túy của mình”; với lập luận “điều này hoàn toàn trái với tâm lý tội phạm. Vì lẽ ra người phạm tội phải chối tội thì anh Vũ Phan Đ lại nhận ngay ma túy của mình nên chứng cứ này không đủ tin cậy, không phải là căn cứ buộc tội bị cáo”. Lập luận này của Luật sư không có cơ sở khoa học và điều này mâu thuẫn với chính quan điểm tự bào chữa và khai nại của Vũ Phan Đ suốt quá trình xét xử trước đây và tại phiên tòa hôm nay là do bị Công an đánh đập, ép cung nên Vũ Phan Đ mới phải khai nhận đó là Heroin của mình. Do đó không thể chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về việc phủ nhận lời nhận tội của bị cáo.

[8] Trình bày lời bào chữa của mình Luật sư còn nhấn mạnh việc sửa chữa một số chữ “vừa” mua thành “đã” mua trong Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục 18) để phủ nhận giá trị pháp lý của văn bản này. Xét thấy tuy trong biên bản này có sửa chữa như luật sư nêu nhưng các văn bản khác đều thể hiện dòng chữ "Heroin anh ta vừa mua được" (Bút lục 19, 20) rất rõ ràng. Do vậy, tuy

có việc sửa chữa từ ngữ bằng bút xóa không đúng quy định nhưng không làm thay đổi bản chất tội phạm và không làm sai lệch nội dung cơ bản của vụ án. Luật sư còn đề nghị xem xét việc cả chiều và tối ngày 05/11/2012 bị cáo đi làm giúp người nhà, đồng thời khẳng định Vũ Phan Đ là Đảng viên và không phải là người nghiện ma túy nên không có việc bị cáo đi mua ma túy để đến sáng ngày 06/11/2012 bị Công an thị xã T phát hiện thu giữ. Tại phiên tòa bị cáo cũng đề nghị giám định vân tay trên túi nilong và kim băng Công an thị xã T thu giữ trong mặt nạ xe máy của bị cáo để chứng minh bị cáo không phải là người treo ma túy vào xe của mình và điều tra các cuộc điện thoại xác định ai là người báo tin cho Công an thị xã T việc bị cáo có tàng trữ ma túy. Về những yêu cầu này, thấy rằng bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên việc xác định ma túy mua ở đâu, bao giờ, của ai, ai là người báo tin cho Công an biết để kiểm tra, không có ý nghĩa gì liên quan đến việc xác định tội danh và trách nhiệm hình sự của bị cáo. Việc bị cáo đã từng là Đảng viên và không phải là người nghiện ma túy cũng không phải là chứng cứ ngoại phạm và không loại trừ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án này. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nêu trên của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[9] Ngoài ra, những vấn đề các luật sư nêu trong bản tranh luận tại phiên tòa hôm nay đều đã được luật sư Nguyễn Hồng Bách nêu ra ở các phiên tòa trước đó và đã được quyết định Giám đốc thẩm số 28/2014/HS-GĐT ngày 19/6/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao, Quyết định giám đốc thẩm số 09/2016/HS-GĐT ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội phân tích đánh giá và khẳng định những thiếu sót đó không làm thay đổi bản chất của vụ án, đã được khắc phục cơ bản khi điều tra lại vụ án. Các quyết định Giám đốc thẩm cũng hướng dẫn khi xét xử lại vụ án cần phải đánh giá các mâu thuẫn này trong tổng thể các chứng cứ khác một cách khách quan, toàn diện để xác định sự thật khách quan của vụ án đồng thời khẳng định các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định Vũ Phan Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[10] Hội đồng xét xử thấy vụ án này đã trải qua 8 lần xét xử, bị cáo liên tục kêu oan, với 03 bản án kết tội bị cáo và đã có 02 bản án tuyên bị cáo không phạm tội. Nhưng cả hai bản án này đều đã bị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị tuyên hủy cả hai bản án phúc thẩm, yêu cầu xét xử lại theo hướng khẳng định

bị cáo có tội. Tại phiên tòa hôm nay đã là lần thứ 9 xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử đã rất thận trọng kiểm tra toàn bộ chứng cứ, thẩm vấn công khai, đầy đủ đối với bị cáo và các nhân chứng, tạo mọi điều kiện thuận lợi và dành nhiều thời gian cho bị cáo và các luật sư tranh tụng bình đẳng với Viện kiểm sát để đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo là có căn cứ và hợp pháp. Nhưng kết quả là bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo. Mặt khác trong vụ án này do bị cáo không nhận tội, theo quy định của pháp luật các luật sư không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo nên trong bài bào chữa của mình các luật sư chỉ đánh giá chứng cứ một chiều theo hướng gỡ tội.

Xem xét đánh giá tổng hợp toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra thị xã T có một số thiếu sót trong quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lập biên bản thu giữ vật chứng; Việc sửa chữa một số từ ngữ và ghi thời gian, thành phần người tiến hành tố tụng trong một số văn bản tố tụng không chính xác, lời khai của người làm chứng có chỗ thiếu nhất quán. Nhưng qua nhiều lần điều tra lại đã được bổ sung, giải trình, làm rõ. Xét thấy, các vi phạm đã nêu ở trên chỉ là thiếu sót đã được bổ sung, khắc phục qua những lần điều tra lại và về cơ bản các thiếu sót đó không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá tổng thể, toàn diện hệ thống các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng ngoài một số chứng cứ có vi phạm như đã phân tích ở trên, trong hồ sơ còn có rất nhiều chứng cứ khác được thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng có nội dung rõ ràng chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Qua kết quả thẩm vấn công khai và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thấy rằng: những lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản thu giữ vật chứng, Biên bản niêm phong vật chứng, Biên bản mở niêm phong cân xác định trọng lượng trích mẫu đi giám định, Kết luận giám định của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an. Đã có đủ căn cứ khẳng định: ngày 06/11/2012 Công an thị xã T đã phát hiện và thu giữ trong chiếc xe máy Wave S biển kiểm soát 35H7-... của bị cáo Vũ Phan Đ 08 gói chất bột dạng cục màu trắng có trọng lượng 0,24 gam. Kết quả giám định đã chứng minh được trong số 0,24 gam chất bột dạng cục màu trắng đó có chứa 0,141 gam Heroin. Ngay khi bị bắt Vũ Phan Đ khai nhận đó là Heroin Vũ Phan Đ mua của một người đàn ông không quen biết ở

chợ Sáng về sử dụng. Nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vũ Phan Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như Bản án sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Ninh Bình đã xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần tội danh.

[11] Xét bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy rất nguy hại cho sức khỏe con người và để lại hậu quả rất xấu cho xã hội, bị nhà nước nghiêm cấm lưu thông nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên cần phải bị xử lý nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo Vũ Phan Đ không có tiền án, tiền sự, có bố đẻ là bộ đội có nhiều thành tích, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bản án sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả do tội phạm gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân bị cáo và yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương để áp dụng khoản 1 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Vũ Phan Đ 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là phù hợp, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm, so với mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 quy định mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm thì quy định của luật năm 2015 là có lợi hơn cho người phạm tội. Mặc dù bị cáo chỉ kháng cáo kêu oan không xin giảm nhẹ hình phạt nhưng căn cứ vào thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự cần áp dụng Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt. Tuyên bị cáo mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam là phù hợp, thể hiện rõ tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13] Mặc dù yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo không được chấp nhận nhưng do Bản án sơ thẩm bị sửa về phần hình phạt nên bị cáo Vũ Phan Đ không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Phan Đ; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 12/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo Vũ Phan Đ.

Tuyên bố bị cáo Vũ Phan Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Vũ Phan Đ 23 (Hai mươi ba) tháng 17 (Mười bảy) ngày tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2012 đến ngày 24/01/2014 và từ ngày 30/7/2014 đến ngày 17/4/2015. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ Phan Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 08/01/2018.

Nơi nhân:

- TAND tối cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh: 02 bản;
 - TAND TP T: 02 bản;
 - Cơ quan CSĐT CA TP T: 01 bản;
 - Viện kiểm sát TP T: 01 bản;
 - Phòng KTGD: 02 bản;
 - Phòng HSNV CA tỉnh NB: 01 bản
 - UBKT thành ủy T: 01 bản
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Luật sư: 06 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu toà HS: 01 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Khôi

Trịnh Việt Thanh

Nguyễn Thị Thắm